

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/DS-ST

Ngày: 28-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay, đòi
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Năm

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay, đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐST-DS, ngày 24/02/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q là: Ông Nguyễn Việt P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh P1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông Nguyễn Việt P có mặt. Bà Nguyễn Thị Thanh P1 vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q và người đại diện là ông Nguyễn Việt P trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà Nguyễn Ngọc Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh P1 trả số tiền 264.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ lập ngày 10/4/2024.

Nguồn gốc khoản nợ như sau: Bà Q là người thu mua lúa, còn bà P1 là cò lúa (người trung gian trong giao dịch mua bán lúa). Trong quá trình làm ăn, vào đầu năm 2024, bà Q đã đưa cho bà P1 550.000.000 đồng để đặt cọc mua lúa từ người dân, không có giấy tờ xác nhận. Ngoài ra, bà P1 còn vay riêng bà Q thêm 64.000.000 đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân. Tổng số tiền bà P1 nhận từ bà Q là 614.000.000 đồng. Việc vay mượn này không có lãi suất và bà P1 hứa sẽ hoàn trả sau khoảng 1 tháng.

Đến khoảng tháng 5/2024, bà Q kiểm tra và phát hiện bà P1 không thực hiện việc đặt cọc với một số hộ dân như đã thỏa thuận, dẫn đến việc bà Q không thu mua đủ lượng lúa tương ứng với số tiền đã đưa. Bà Q yêu cầu bà P1 giao đủ số lúa đã nhận tiền cọc, nhưng bà P1 không thực hiện được.

Trước ngày 10/4/2024, bà P1 đã hoàn trả cho bà Q số tiền 350.000.000 đồng (không nhớ chính xác ngày). Phần còn lại là 264.000.000 đồng, bà Q yêu cầu bà P1 viết Giấy nhận nợ vào ngày 10/4/2024. Giấy này do bà P1 tự viết tay, có ký tên đầy đủ và được hai người là ông Dương Quốc S và ông Đinh Hồng T làm chứng. Trong giấy, bà P1 cam kết sẽ trả số tiền còn lại trong vòng 10 ngày, tức ngày 20/4/2024, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán và nhiều lần tránh né nghĩa vụ.

Do đó, bà Nguyễn Ngọc Q nay khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh P1 hoàn trả số tiền 264.000.000 đồng. Bà Q không yêu cầu tính lãi suất. Đây là khoản nợ dân sự giữa hai cá nhân, không liên quan đến bất kỳ bên thứ ba nào khác.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P1 trình bày trong bản tự khai ngày 25/02/2025 có nội dung như sau:

Bà thừa nhận còn nợ bà Q 264.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 10/4/2024. Nhưng bà đã trả tiền cho bà Q qua chuyển khoản ngân hàng S1 chi nhánh T1 và A chi nhánh B, chỉ còn nợ hơn 70.000.000 đồng. Khi chuyển khoản cho bà Q, bà có chụp màn hình gửi cho bà Q. Để trả tiền lúa bà còn bù thêm cho bà Q 30.000.000 đồng. Bà xác định chỉ còn nợ bà Q hơn 70.000.000 đồng, nên không đồng ý trả 264.000.000 đồng cho bà Q.

Tòa án tiến hành thụ lý và hòa giải nhưng không thành.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giấy nhận nợ ngày 10/4/2024 và việc bà P1 thừa nhận nợ. Bà P1 cung cấp được tài liệu, chứng cứ bản sao kê của Ngân hàng là đã trả ngày 24/8/2024 là 50.000.000 đồng, ngày 02/9/2024 là 40.000.000 đồng, ngày 13/9/2024 là 20.000.000 đồng,

ngày 07/5/2024 là 7.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc Q với bà Nguyễn Thị Thanh P1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản theo quy định tại 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P1 vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử, nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thực hiện quyền yêu cầu phản tố của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh P1 không có đơn phản tố đối với bà Nguyễn Ngọc Q. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Q theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Q yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P1 hoàn trả số tiền 264.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ lập ngày 10/4/2024, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2] Giữa bà Q và bà P1 có quan hệ làm ăn trong việc thu mua lúa. Bà Q đã nhiều lần giao tiền mặt, chuyển tiền cho bà P1 với tổng số tiền là 614.000.000 đồng để thực hiện việc đặt cọc mua lúa từ người dân. Ngoài ra, bà P1 còn vay riêng bà Q thêm 64.000.000 đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân. Việc giao nhận tiền chủ yếu dựa trên sự tin tưởng, không có giấy tờ cụ thể ngoại trừ Giấy nhận nợ ngày 10/4/2024 đối với số tiền còn lại là 264.000.000 đồng.

[2.3] Giấy nhận nợ do bà P1 viết tay, có chữ ký của bà P1 và hai người làm chứng là ông Dương Quốc S và ông Đinh Hồng T. Trong nội dung giấy nợ, bà P1 cam kết hoàn trả số tiền 264.000.000 đồng cho bà Q trong vòng 10 ngày, tức đến ngày 20/4/2024. Tuy nhiên, đến nay bà P1 vẫn chưa thực hiện việc thanh toán số tiền trên như cam kết.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, bà P1 thừa nhận có nợ bà Q, tuy nhiên cho rằng đã trả thêm nhiều khoản tiền sau ngày lập giấy nhận nợ. Cụ thể, bà P1 cung cấp các sao kê tài khoản thể hiện các lần chuyển khoản cho số tài khoản của bà Q 662966 gồm: Ngày 07/5/2024 là 7.000.000 đồng, Ngày 24/8/2024 là 50.000.000 đồng; Ngày 02/9/2024 là 40.000.000 đồng; Ngày 13/9/2024 là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 117.000.000 đồng.

[2.5] Hội đồng xét xử xét thấy, đại diện nguyên đơn cho rằng sau khi ký giấy nhận nợ thì bà Q và bà P1 còn làm ăn chung thể hiện qua việc bà Q có chuyển khoản cho bà P1 vào các ngày 10/9/2024 là 300.000.000 đồng, 159.867.000 đồng; ngày 11/9/2024 là 280.000.000 đồng; ngày 12/9/2024 chuyển 138.795.000 đồng, 130.217.000 đồng, 400.000.000 đồng. Số tiền chuyển từ ngày 10 đến 12/9/2024 là các giao dịch mua lúa tiếp theo mà bà Q trả đủ tiền, không có dư, không liên quan đến số tiền nợ theo giấy nhận nợ ngày 10/4/2024 thể hiện hai bên còn làm ăn với nhau. Đại diện nguyên đơn cho rằng, ngoài ra còn những lần làm ăn khác, số tiền 117.000.000 đồng bà P1 chuyển trả là tiền đặt cọc dư cho những lần mua lúa khác chứ không phải chuyển trả cho khoản nợ 264.000.000 đồng.

Tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ là bà P1 đã trả tiền dư của khoản đặt cọc mua lúa nào sau ngày 10/4/2024. Các chứng cứ sao kê nêu trên phù hợp với lời khai của bị đơn, thể hiện bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần khoản nợ. Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào để bác bỏ nội dung này. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, khoản tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 264.000.000 đồng - 117.000.000 đồng = 147.000.000 đồng.

[2.6] Xét về bản chất, đây là quan hệ vay và quan hệ làm ăn được xác lập dựa trên sự tự nguyện, có cam kết hoàn trả và được xác nhận bằng văn bản. Việc bà P1 nhận tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ như cam kết là hành vi vi phạm nghĩa vụ dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà P1 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 147.000.000 đồng đã nhận. Việc bà Nguyễn Ngọc Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh P1 hoàn trả số tiền còn nợ là có căn cứ, cần được chấp nhận một phần.

[2.7] Xét về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc Q xác nhận không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh P1 trả lãi suất đối với khoản tiền nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét và không đặt ra vấn đề tính lãi đối với nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Q là có căn cứ chấp nhận một phần như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Q được Tòa án chấp nhận một phần, theo đó bà Nguyễn Thị Thanh P1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 147.000.000 đồng.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Thanh P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ bị buộc thực hiện. Tính theo quy định về mức án phí sơ

thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch là $5\% \times 147.000.000 \text{ đồng} = 7.350.000 \text{ đồng}$.

Đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, bà Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Cụ thể, bà Q yêu cầu bà P1 trả số tiền 264.000.000 đồng, nhưng Tòa án chỉ chấp nhận 147.000.000 đồng. Phần không được chấp nhận là 117.000.000 đồng, tính theo mức án phí có giá ngạch, $5\% \times 117.000.000 \text{ đồng} = 5.850.000 \text{ đồng}$. Do đó, bà Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.850.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.600.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 009379 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Phần chênh lệch 750.000 đồng được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 166 Bộ luật Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Q đối với bà Nguyễn Thị Thanh P1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh P1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc Q 147.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh P1 phải chịu 7.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.850.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.600.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 009379, ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Phần chênh lệch 750.000 đồng bà Nguyễn Ngọc Q được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Phượng